

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025,
tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 83/TTr-STTTT ngày 30/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với nội dung sau:

1. Quan điểm

a) Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến chuyển đổi số; đặc biệt là tập trung triển khai chuyển đổi số trên 03 trụ cột và 08 lĩnh vực ưu tiên theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Chú trọng công tác huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi số; tận dụng tối đa các nguồn lực đầu tư từ ngân sách và xã hội hóa.

b) Nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong chuyển đổi số; sự vào cuộc và triển khai đồng bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị, sự tham gia tích cực của tổ chức, doanh nghiệp, người dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số; cán bộ, công chức, viên chức tham gia và thực hiện chuyển đổi số; người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị cần xác định lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương; kế thừa, tận dụng tối đa nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

c) Người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số; thiết bị di động là phương tiện chính của người dân trong thế giới số. Người dân phải được trang bị kỹ năng, thói quen sử dụng dịch vụ số, hình thành văn hóa số gắn với bảo vệ văn hóa, giá trị đạo đức căn bản của con người và chủ quyền số quốc gia. Ưu tiên chuyển đổi số trước các lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hàng ngày tới người dân, doanh nghiệp. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả.

d) Dữ liệu số là tài nguyên quan trọng, được chia sẻ một cách tối đa trong các cơ quan nhà nước, liên thông nhiều cơ quan trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) phục vụ người dân, doanh nghiệp.

đ) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin, dự án đầu tư về công nghệ thông tin đều có cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế.

e) Gắn triển khai chuyển đổi số với phát triển các doanh nghiệp công nghệ số và nâng cao năng lực của doanh nghiệp ngành nghề khác. Các doanh nghiệp có thể tham gia quá trình cung cấp dịch vụ công, khai thác hiệu quả dữ liệu mở của cơ quan nhà nước để phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số. Chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ truyền thống sang sử dụng dữ liệu số.

2. Mục tiêu Đề án

a) Mục tiêu chung

- Đến năm 2025: Trà Vinh cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh. Phần đầu chỉ số chuyển đổi số nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; tối thiểu 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai áp dụng (ít nhất 01) nền tảng số trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

- Đến năm 2030: hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; Trà Vinh trở thành tỉnh khá trong cả nước về chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Về hạ tầng số:

+ Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu của tỉnh đủ năng lực, hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn thông tin.

+ 100% công chức, viên chức được trang bị máy vi tính, có cài đặt phần mềm diệt và phòng chống virus; 100% máy tính (trong phạm vi mạng LAN) của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.

+ 100% áp, khóm được duy trì phủ sóng băng rộng di động; được phủ băng rộng cố định (FTTH).

- Về nhân lực số:

+ 100% cán bộ phụ trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được cập nhật kiến thức liên quan về chuyển đổi số, kỹ năng số và công nghệ số.

+ 100% các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số và công nghệ số.

- Về dữ liệu số và nền tảng số:

+ 100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được kết nối đưa vào sử dụng tại tỉnh.

+ 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL), hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền; tuân thủ quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và được kết nối để tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Về an toàn thông tin mạng:

+ 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ, được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, được kiểm tra, đánh giá theo quy định.

+ 100% các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”.

+ 100% máy tính của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm đơn vị thuộc, trực thuộc) đảm bảo cấu hình được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Về chính quyền số:

+ 100% cơ quan nhà nước ở 3 cấp sử dụng đồng bộ các phần mềm dùng chung, phần mềm chuyên ngành; 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên phần mềm; trên 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội (không bao gồm nội dung mật) được thực hiện qua hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội của UBND tỉnh.

+ 100% hồ sơ TTHC được giải quyết qua hệ thống Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời số hóa, cập nhật vào Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

+ 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định được cung cấp trực tuyến toàn trình, trong đó tối thiểu 70% TTHC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến; tối thiểu 60% hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng hồ sơ tiếp nhận.

+ Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.

+ 100% cơ quan, đơn vị áp dụng hệ thống Phản ánh hiện trường để xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

+ 100% hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa của tỉnh đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số.

- Về kinh tế số:

+ Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP của tỉnh đạt tối thiểu 20%.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 4,15%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 100%, trong đó trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận, tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (Chương trình SMEdx).

+ Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

+ 100% trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

- Về xã hội số:

- + Trên 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử.
- + Trên 85% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- + Trên 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- + Trên 70% dân số trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản.
- + Trên 80% hộ gia đình kết nối Internet.
- + Trên 70% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản.
- + Trên 50% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- + Trên 30% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.
- + Trên 90% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử.
- + Trên 80% cơ sở đào tạo, trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.
- + Trên 70% cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.
- + 100% bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID.
- + 100% cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt.
- + 100% học sinh được triển khai học bạ số và 100% sinh viên được triển khai bảng điểm số.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Nhiệm vụ

Chuyển đổi nhận thức:

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông để triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chương trình Chuyển đổi số của quốc gia; các chủ trương, chính sách của tỉnh liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Lồng ghép vào kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương nội dung nhiệm vụ nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được giao tại Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

+ Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 15/12/2022.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tích cực tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia, Ngày chuyển đổi số của tỉnh theo kế hoạch được UBND tỉnh ban hành.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: tháng 10 hàng năm.

- Nghiên cứu, lựa chọn để triển khai các mô hình chuyển đổi số thành công đã được Bộ ngành, các địa phương chia sẻ: đảm bảo mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn tối thiểu một đơn vị cấp xã để triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số thành công (trong hoạt động của cơ quan hành chính; triển khai công tác truyền thông chuyển đổi số; phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân như: mua bán trực tuyến; thanh toán trực tuyến; sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình); nhân rộng thực hiện từ năm 2026.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: năm 2025.

Xây dựng cơ chế, chính sách:

- Rà soát ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản trên lĩnh vực chuyên ngành đảm bảo đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong quá trình chuyển đổi số; đảm bảo 100% hệ thống thông tin chuyên ngành có quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu... đúng theo quy định.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: tháng 6/2025 và thực hiện thường xuyên.

- Nghiên cứu tham mưu các chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức lĩnh vực công nghệ thông tin; chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tham mưu đưa tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị vào nội đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu để áp dụng từ năm 2025.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.

+ Thời hạn hoàn thành: tháng 12/2024.

Phát triển hạ tầng số:

- Tiếp tục phát triển mạng lưới bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số, nhất là thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy phát triển Chính phủ số, xã hội số tại Việt Nam. Ưu tiên nghiên cứu thay đổi phương thức kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị, đổi mới tổ chức sản xuất, đặc biệt là có những giải pháp toàn diện, đáp ứng yêu cầu cho dịch vụ hậu cần cho thương mại điện tử; sẵn

sàng tham gia quy trình thực hiện giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp từ năm 2025.

+ Cơ quan thực hiện: các doanh nghiệp bưu chính.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tiếp tục thúc đẩy xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao (5G), bắt đầu từ trung tâm các đô thị, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, các trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện; đến năm 2030 đảm bảo phủ cập mạng 5G trên địa bàn tỉnh.

+ Cơ quan thực hiện: các doanh nghiệp viễn thông.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh; tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu của tỉnh; hệ thống thông tin tại cơ quan Đảng, Nhà nước đảm bảo về năng lực lưu trữ, năng lực vận hành, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ theo quy định phục vụ công tác chuyển đổi số.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Rà soát tổ chức triển khai chuyển đổi các hệ thống thông tin của UBND tỉnh (tên miền travinh.gov.vn) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới - IPv6.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025.

- Hoàn thiện mạng LAN của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh (WAN) qua thiết bị bảo mật mạng LAN; đảm bảo 100% thiết bị, hệ thống thông tin kết nối, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh phải thực hiện qua mạng WAN của tỉnh.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025.

- Rà soát đề nghị trang bị chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho người có thẩm quyền ký văn bản và sử dụng con dấu của cơ quan, cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ để ký số hồ sơ, văn bản điện tử; tổ chức quản lý và sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật đúng quy định.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: năm 2024 và thường xuyên.

Phát triển nhân lực số:

- Lồng ghép vào kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương nội dung nhiệm vụ phát triển nhân lực số được giao tại các Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

+ Cơ quan thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại các kế hoạch nêu trên.

+ Thời hạn hoàn thành: theo thời gian quy định tại các kế hoạch nêu trên.

Phát triển dữ liệu số:

- Thiết lập danh mục dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở trên Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; kết nối, tích hợp, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, ứng dụng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; thiết lập công cụ để các cơ quan, đơn vị (chưa có hệ thống CSDL) cung cấp dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung, cung cấp dữ liệu mở theo quy định.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025.

- Nâng cấp, phát triển CSDL chuyên ngành, lĩnh vực; theo lĩnh vực quản lý, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xác định danh mục các trường dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở (được phép chia sẻ) để phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tạo lập danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở trên Kho dữ liệu dùng chung; tập trung xây dựng, nâng cấp, phát triển các CSDL chuyên ngành đảm bảo đầy đủ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định; tổ chức thu thập, cập nhật dữ liệu cho các CSDL thuộc phạm vi quản lý, phụ trách đảm bảo thông tin, dữ liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời; tổ chức khai thác tối đa dữ liệu được chia sẻ từ Kho dữ liệu dùng chung phục vụ chuyển đổi số ngành, lĩnh vực quản lý.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025 và thực hiện thường xuyên.

- Rà soát, nâng cấp, phát triển Kho dữ liệu dùng chung Trà Vinh kết nối, tích hợp các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, ứng dụng chuyên môn, nghiệp vụ. Mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tiếp tục phát triển các phần mềm khai thác tối đa dữ liệu tại kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu được chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; hoạt động quản lý, phân tích, dự báo của cơ quan, tổ chức nhà nước; giao tiếp trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước trên các lĩnh vực.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Rà soát nâng cấp, phát triển Kho dữ liệu tổ chức, cá nhân tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

Phát triển nền tảng số:

- Nâng cấp, phát triển Nền tảng xác thực tập trung (SSO) của tỉnh, kết nối thông suốt với Hệ thống xác thực định danh điện tử quốc gia (VNeID) phục vụ định danh, xác thực thông tin người sử dụng các ứng dụng chuyên đổi số của tỉnh; triển khai các giải pháp đảm bảo 100% hệ thống thông tin của tỉnh (đáp ứng yêu cầu) áp dụng phương thức xác thực thông tin người sử dụng qua bằng tài khoản VNeID.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025 và thực hiện thường xuyên.

- Nâng cấp, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) của tỉnh đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số; thống nhất 100% hệ thống thông tin (có liên quan) của tỉnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với nhau phải qua LGSP.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Nâng cấp, phát triển, mở rộng ứng dụng Smart Trà Vinh đáp ứng yêu cầu cung cấp tất cả các dịch vụ của chính quyền số, đô thị thông minh đến công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp trên thiết bị thông minh.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

Đảm bảo an toàn thông tin mạng:

- Nâng cấp, phát triển Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC) bảo đảm năng lực phục vụ công tác giám sát, điều hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối thông suốt đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Rà soát đảm bảo 100% máy vi tính của cán bộ, công chức, viên chức được triển khai giải pháp phòng chống mã độc tập trung qua SOC của tỉnh.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Rà soát hoàn thành lập hồ sơ phê duyệt xác định cấp độ an toàn thông tin cho tất cả các hệ thống thông tin; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: năm 2024 và thực hiện thường xuyên.

- Tổ chức thực hiện gán nhãn tín nhiệm mạng cho tất cả website của cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: năm 2024 và thực hiện thường xuyên.

- Hàng năm, tổ chức các hoạt động diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

Phát triển chính quyền số:

- Rà soát, đảm bảo tất cả cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trong quy trình giải quyết công việc phải thực hiện trên các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung (iGate, iOffice, ISO điện tử; Phản ánh hiện trường; Hệ thống thông tin báo cáo,...) và các ứng dụng chuyên ngành có liên quan đã được đầu tư.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025 và thường xuyên.

- Rà soát, xây dựng lộ trình và tổ chức thực hiện nâng cấp, mở rộng, phát triển mới các ứng dụng dùng chung của tỉnh, các ứng dụng chuyên ngành, đảm bảo yêu cầu chuyển mọi hoạt động quản lý ngành, lĩnh vực lên môi trường số trước năm 2030.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025 và thường xuyên.

- Xây dựng, phát triển phần mềm dùng chung phục vụ lãnh đạo các cơ quan thuộc hệ thống chính trị giám sát, chỉ đạo, điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu dùng chung tại Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

+ Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Thời gian hoàn thành: từ năm 2025-2027 áp dụng trong cơ quan nhà nước các cấp; từ năm 2028-2030 áp dụng tại cơ quan Đảng, Đoàn thể.

Ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Rà soát, nâng cấp, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh bảo đảm yêu cầu chức năng, an toàn thông tin và kết nối thông suốt với các hệ thống thông tin, CSDL có liên quan.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025 và thường xuyên.

- Rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC trên cơ sở sử dụng dữ liệu đã được số hóa từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, các dữ liệu được tạo lập, được chia sẻ; đảm bảo 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức toàn trình trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đảm bảo 100% dịch vụ công có phát sinh hồ sơ trực tuyến được cung cấp dưới dạng biểu mẫu điện tử; 100% TTHC (có yêu cầu nghĩa vụ tài chính) được cập nhật đầy đủ thông tin phí, lệ phí; tổ chức triển khai các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025 và thường xuyên.

- Tiếp tục rà soát thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC lưu trữ vào Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: theo thời gian quy định tại Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022.

- Rà soát triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tương tác với cơ quan, đơn vị bằng hình thức trực tuyến; đồng thời đảm bảo các dịch vụ trực tuyến cung cấp cho người dân, doanh nghiệp được cung cấp qua ứng dụng Smart Trà Vinh (trừ các dịch vụ đã được triển khai qua VNeID)

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: trước tháng 6/2025 và thường xuyên.

Phát triển kinh tế số, xã hội số:

- Rà soát, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12/7/2022, Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh; các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh; các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại các trường học, cơ sở giáo dục và đào tạo, các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh; nhiệm vụ, giải pháp phát triển thương mại điện tử theo Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh; nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số thương mại điện tử theo Quyết định 1267/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: theo thời gian quy định tại các Kế hoạch, Quyết định nêu trên.

- Tăng cường triển khai các hoạt động thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; phấn đấu đến hết năm 2025 có tối thiểu 30%, đến hết năm 2030 có tối thiểu 60% doanh nghiệp nhỏ và vừa duy trì triển khai áp dụng (ít nhất 01) nền tảng số thuộc Chương trình SMEdx trong hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tăng cường triển khai các hoạt động thúc đẩy, kết nối doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại các khu công nghiệp; đảm bảo trên 60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải.

+ Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các hoạt động nâng cao tỷ lệ áp dụng thuế điện tử, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử.

+ Cơ quan thực hiện: Cục Thuế tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tiếp tục triển khai mô hình chợ không dùng tiền mặt.

+ Cơ quan thực hiện: UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Đẩy mạnh phát triển và cung cấp các dịch vụ tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức nhà nước trên nền tảng web và trên điện thoại thông minh (ưu tiên triển khai trước các dịch vụ trên các lĩnh vực tác động thường xuyên đến đời sống xã hội, doanh nghiệp và người dân như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp, an sinh xã hội; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phản ánh kiến nghị; tham gia giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước,...).

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

- Tăng cường triển khai hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân khai thác các dịch vụ do cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp.

+ Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp.

+ Thời hạn hoàn thành: thường xuyên.

Chuyển đổi số các lĩnh vực ưu tiên: rà soát, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải

pháp chuyển đổi số ngành, lĩnh vực theo khoản 5 Mục III Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tích hợp các nhiệm vụ, giải pháp đề án đang triển khai: rà soát, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông được định hướng theo Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển đô thị thông minh bền vững tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

b) Giải pháp

- Giải pháp chỉ đạo, điều hành:

+ Rà soát, kịp thời kiện toàn và phát huy vai trò từng thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh trong công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc ngành, địa phương phụ trách; định kỳ 6 tháng tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ Đề án.

+ Lãnh đạo, chỉ đạo tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Đề án, đảm bảo xác định cụ thể nội dung (có trọng tâm, trọng điểm), thời hạn, kết quả.

+ Phát huy vai trò của người đứng đầu các cơ quan thuộc hệ thống chính trị để triển khai nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số.

+ Nghiên cứu có chính sách khuyến khích, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, người dân vào quá trình chuyển đổi số.

- Giải pháp tuyên truyền: đẩy mạnh triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, bằng nhiều phương thức như thông qua Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh; hệ thống thông tin cơ sở, các trang thông tin, cổng thông tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã thành phố, các trang mạng xã hội; thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, tuyên truyền lồng ghép trong các cuộc sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp để thông tin tuyên truyền; Tổ công nghệ số cộng đồng; các cuộc hội thảo, hội nghị.

- Giải pháp nguồn nhân lực:

+ Hàng năm tổ chức các hoạt động đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ phụ trách chuyển đổi số; tập huấn kỹ năng khai thác các nền tảng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.

+ Kiện toàn tổ chức và hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng, kết hợp huy động doanh nghiệp cùng tham gia để hình thành mạng lưới hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khai thác các tiện ích, dịch vụ của chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

- Giải pháp kinh phí:

+ Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Đề án bao gồm ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

+ Phát huy tối đa phương án thuê dịch vụ thay cho phương án đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số.

+ Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của tỉnh nghiên cứu, xây dựng phương án bảo đảm bố trí kinh phí đầu tư hàng năm cho chuyển đổi số đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

(Đính kèm thuyết minh Đề án)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền Thông

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan có liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; lồng ghép nội dung thực hiện Đề án vào kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn, hàng năm của UBND tỉnh.

b) Giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Đề án; định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu tổng hợp kết quả thực hiện Đề án vào kế hoạch chuyển đổi số hàng năm để báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Theo chức năng, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa, lồng ghép vào kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện các nội dung Đề án thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, đảm bảo đạt chỉ tiêu, chất lượng, tiến độ; chủ động xác định nhiệm vụ, dự án và kinh phí để phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp tham mưu cấp thẩm quyền bố trí thực hiện.

b) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải gương mẫu trong sử dụng các nền tảng số, các ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số; quan tâm chỉ đạo đảm bảo cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tích cực triển khai, phối hợp triển khai Đề án và tổ chức khai thác, sử dụng phục vụ chuyển đổi số ngành, lĩnh vực.

c) Quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; chủ động triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khai thác các nền tảng số.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án.

3. Sở Tài chính: trên cơ sở đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan liên quan và khả năng cân đối ngân sách tổng hợp tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí (vốn sự nghiệp) để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan liên quan tổng hợp tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư để thực hiện Đề án.

5. Đề nghị Đoàn Thanh niên: chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số của tỉnh (Tổ Công nghệ số cộng đồng); phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các Hội, hiệp hội xã hội nghề nghiệp: phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Đề án; vận động hội viên, doanh nghiệp tích cực tham gia sử dụng các nền tảng số trong chuyển đổi số, trong kinh tế số và xã hội số.

7. Đề nghị các doanh nghiệp công nghệ số: ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; cử nhân sự tham gia cùng Tổ công nghệ số cộng đồng tập huấn, hướng dẫn người dân khai thác các nền tảng số.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện